|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Bến Tre, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO ngày**

**06.3.2025**

**NGHỊ QUYẾT**

# Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công;

# thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan,

# tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA** X**, KỲ HỌP THỨ ……..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ**[Luật Đấu thầu](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-thau-2023-22-2023-QH15-518805.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số* *24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

 *Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số* [*/TTr-UBND*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=99/TTr-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=34&lan=1)*ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị thông qua Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

 1. Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định đối với các nội dung:

a) Quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre gồm: Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Mua sắm tài sản và mua sắm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

c) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất).

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm tập trung.

4. Các nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

 **Điều 2.** **Đối tượng áp dụng**

 1. Cơ quan nhà nước;

 2. Đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

4. Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy trong việc quản lý, sử dụng tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư mua sắm từ ngân sách nhà nước;

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng vốn Nhà nước theo quy định để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

**Điều 3.** **Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao)**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

a) Trụ sở làm việc,cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại.

b) Tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc cấp huyện quản lý .

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm.

5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ (trừ điểm a, khoản 1 Điều này) phục vụ hoạt động của đơn vị.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên quyết định việc mua sắm tài sản công (trừ điểm a, khoản 1 Điều này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc 01 gói thầu, nội dung mua sắm.

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên tính cho cả thời gian thuê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị; quyết định thuê tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ khoản 1 Điều này) có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho cả thời gian thuê (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị trên 200 triệu đồng tính cho cả thời gian thuê (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách các cấp quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ khoản 1 Điều này) có giá trị không quá 200 triệu đồng tính cho cả thời gian thuê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công đối với các tài sản là nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh.

3.Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

4.Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại;

b) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

c) Tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1 Điều này):

a) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã;

b) Tài sản công giữa các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã).

3. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1, 2 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) trừ khoản 1, 2 Điều này giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) và Ủy ban nhân dân cấp xãthuộc phạm vi quản lý

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách các cấp quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán không quá 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định bán tài sản tại điểm a, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn gốc vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại).

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách các cấp quyết định thanh lý tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán không quá 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương, Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách các cấp quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán không quá 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định tiêu hủy tài sản công tại điểm a, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1.Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại điểm a, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

**Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị.

**Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước** **thuộc phạm vi tỉnh Bến Tre quản lý**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương; Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 gói thầu, nội dung mua sắm.

2. Sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (trừ điểm a, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương đối với:

a) Mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 gói thầu, nội dung mua sắm.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp được quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này), mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ có giá trị không quá 200 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản hoặc cho 01 gói thầu, nội dung mua sắm để phục vụ hoạt động của đơn vị .

4. Tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng cho 01 gói thầu, nội dung mua sắm phục vụ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

# Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp đề nghị mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, khai thác, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, khai thác, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác.

**Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4.Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa…… kỳ họp thứ …… thông qua ngày …tháng...năm 2025 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Ủy ban nhân dân tỉnh;- UBMTTQVN;- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy ;- VP. Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;- Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;- HĐND, UBND, UBMTTQ VN cấp huyện;- Báo Đồng khởi; Đài PT-TH tỉnh;- Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |